

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 14 tháng 02 năm 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Tân, bà Trần Thị Dần.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch
Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa
tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành,
tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2024/TLST- HNGĐ
ngày 11 tháng 10 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2024 và Quyết định hoãn
phiên tòa số: 04/2025/QĐST- HNGĐ ngày 15/01/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị H - Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H1 - Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt chị H vắng mặt anh H1 (Anh H1 vắng mặt lần thứ hai
không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/8/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết
vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị H trình bày: Chị H và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn
trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/8/2012 tại UBND xã T, huyện T,
tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận được 07 năm thì phát
sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong
cuộc sống nên dẫn đến nhiều tranh cãi không hợp nhau. Đến nay, chị H xác định

tình cảm vợ, chồng không còn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H2, sinh ngày: 07/12/2012 và cháu Nguyễn Văn H3, sinh ngày: 06/12/2015. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng mỗi cháu số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Hai cháu mỗi tháng số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con từ khi ly hôn đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa chị H đề nghị tòa án giải quyết buộc anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng mỗi cháu số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Hai cháu mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con từ khi ly hôn đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1. Giao cháu Nguyễn Văn H2, sinh ngày: 07/12/2012 và cháu Nguyễn Văn H3, sinh ngày: 06/12/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng mỗi cháu số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Hai cháu mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con từ khi ly hôn đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn H1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Nguyễn Văn H1. Anh H1 có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh H1 vắng mặt không có lý do, tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh H1 và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh H1 theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh H1 đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải nhiều lần nhưng anh H1 đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Tòa án đã triệu tập họp lệ anh H1 lần thứ hai đến để tham gia phiên tòa nhưng anh H1 vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh H1.

[2] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/8/2012 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên dẫn đến nhiều tranh cãi không hợp nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án tại các buổi hòa giải anh H1 không đến Tòa án để tham gia hòa giải mà không có lý do. Từ khi chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với anh H1, anh H1 cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh H1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H1 là có cơ sở, nên yêu cầu của chị H được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H2, sinh ngày: 07/12/2012 và cháu Nguyễn Văn H3, sinh ngày: 06/12/2015. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu cả hai cháu. Hội đồng xét xử thấy: Việc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm của cả vợ và chồng. Tuy nhiên, từ khi làm đơn đến nay cả hai cháu đều do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Đồng thời cả cháu H2 và cháu H3 đều có nguyện vọng được sinh sống cùng mẹ. Để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cũng như ổn định về cuộc sống của các cháu, cần giao cháu H2 và cháu H3 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa, chị H yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Hai cháu mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con từ khi ly hôn đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử thấy: Việc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm của cả chị H và anh H1. Cháu H2 và cháu H3 còn nhỏ nên cần nhiều các khoản chi phí về ăn, ở đảm bảo cho sự phát triển về thể chất và tinh thần, việc anh H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là cần thiết. Chị H yêu cầu anh H1 cấp dưỡng

nuôi con chung cùng chị mỗi cháu mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Hai cháu mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con từ khi ly hôn đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật, nên yêu cầu về cấp dưỡng tiền nuôi con chung của chị H đối với anh H1 được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh H1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn H2 (Giới tính: Nam), sinh ngày: 07/12/2012 và cháu Nguyễn Văn H3 (Giới tính: Nam), sinh ngày: 06/12/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng mỗi cháu số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Hai cháu mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2025 đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác.

Anh H1 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0002400 ngày 11/10/2024. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh H1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Vũ Thị H, vắng mặt anh Nguyễn Văn H1. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thạch Long;
- Chi cục THADS h. Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

